

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày 12-9-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Danh Văn Hoàng

Ông Nguyễn Văn Lạc.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Tây Ninh tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Bé Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Yến N, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1993. Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Yến N trình bày:

Bà Trần Thị Yến N và ông Trần Quốc T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới năm 2018 và có đăng ký kết hôn ngày 20/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Long An (cũ). Nay là xã T, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi cưới, hai vợ chồng sống cùng nhà cha mẹ ruột của bà N ở khu dân cư V, xã T, tỉnh Long An (cũ) khoảng 03 năm thì cất nhà ra riêng, cách nhà cha

mẹ ruột bà N khoảng 200m. Quá trình chung sống bà N và ông T có 02 con chung tên Trần Ngọc Hạnh N1 (nữ), sinh ngày 07/6/2020 và Trần Ngọc Khánh A (nữ), sinh ngày 05/8/2023. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 03 năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, về nguyên nhân mâu thuẫn bà N cho rằng ông T đi làm ít khi về nhà, thiếu sự quan tâm đến vợ, con. Vợ chồng sống xa nhau, ông T ít khi về nhà nên bà N phải nhờ sự hỗ trợ, giúp đỡ của cha mẹ và người thân trong gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, ông T cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Trước khi quyết định gửi đơn ly hôn bà N cho rằng cũng đã trao đổi, nói chuyện với ông T nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông T bỏ mặc, không quan tâm. Do đó bà N quyết định gửi đơn ly hôn để chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông T.

Về công việc, thu nhập, bà N là giáo viên mầm non, thu nhập hiện tại là 10.000.000 đồng/tháng, không đủ để trang trải cuộc sống của bà N và 02 con nhỏ. Ông T là công chức, có nguồn thu nhập ổn định và cũng có hỗ trợ bà N trong việc nuôi con. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung do 02 con đều còn nhỏ và do bà đang trực tiếp nuôi, bà N và ông T sẽ thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Bị đơn ông Trần Quốc T thể hiện ý kiến tại bản tự khai ngày 17/7/2025 như sau:

Ông T và bà N kết hôn vào năm 2018 và có 02 con chung. Quá trình chung sống vì bận công việc nên đôi khi ông T ít có thời gian dành cho gia đình nên bà N có yêu cầu ly hôn. Quan điểm của ông T là hiện tại do 02 con chung còn nhỏ, cần tình cảm đầy đủ của cha và mẹ nên tạm thời ông T chưa đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ quan điểm đã trình bày và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Kết quả xác minh của Tòa án: Về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tình trạng vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn như trình bày của bà N. Về điều kiện nuôi con, bà N là giáo viên có thu nhập ổn định, tuy nhiên cũng phải đi làm, đi học và phải nuôi 02 con nhỏ nên phải nhờ sự hỗ trợ của cha mẹ và người thân. Ông T đi làm xa ít về nhà và thiếu sự quan tâm đến vợ, con. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày một nhạt phai, ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm nên bà N cương quyết ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định, còn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Bà N và ông T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây

Ninh) ngày 20/8/2018 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay bà N yêu cầu giải quyết ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi thụ lý giải quyết đơn ly hôn của bà N, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho bà N và ông T hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên bà N vẫn cương quyết ly hôn, còn ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không có mặt tại các lần hòa giải và tại phiên tòa, nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Bà N và ông T có 02 con chung hiện sống cùng bà N, bà N yêu cầu được nuôi 02 con chung. Ông T cũng không có tranh chấp, để đảm bảo cuộc sống ổn định của 02 con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà N nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Yến N về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã T, tỉnh Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) ngày 20/8/2018 nên là hôn nhân hợp pháp, bà N yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà N cho rằng giữa bà và ông T chỉ sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông T ít khi về nhà, thiếu sự quan tâm đến vợ, con, hiện vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân nên khả năng hàn gắn không còn. Bà N cương quyết ly hôn còn ông T không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không tham gia các phiên hòa giải và 02 lần mở phiên Tòa, bỏ mặc kết quả giải quyết. Xét

thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài, các đương sự không có hướng hàn gắn, khắc phục nên mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung: Bà N và ông T có 02 con chung còn nhỏ hiện đang sống cùng bà N. Bà N yêu cầu được nuôi 02 con chung sau khi ly hôn, ông T cũng không có tranh chấp việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho 02 con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên tạm thời Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này bà N có quyền yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, tại thời điểm giải quyết việc ly hôn cũng không có ai tranh chấp về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Yến N về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Trần Quốc T.

1.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Yến N được ly hôn với ông Trần Quốc T.

1.2. Về con chung: Giao 02 chung tên Trần Ngọc Hạnh N1 (nữ), sinh ngày 07/6/2020 và Trần Ngọc Khánh A (nữ), sinh ngày 05/8/2023 cho bà Trần Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc (02 con chung đang sống cùng bà N).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và

gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

Buộc bà Trần Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) theo biên lai số 0002339 ngày 05/6/2025 sang tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV9 - Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh